

CỤC THUẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC
HOÀI NHƠN- HOÀI AN-AN LÃO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoài Nhơn, ngày 4 tháng 8 năm 2020

UBND PHƯỜNG BỒNG SƠN

Số: 2733/TB-CCT

ĐẾN

Số: 1164

Ngày: 26/8/2020

Chuyển: 1164

Số và ký hiệu HS: 1164

THÔNG BÁO

Về việc công khai danh sách người nộp thuế đề nghị xóa nợ
tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 94/2019/QH14
ngày 26/11/2019 của Quốc hội

Căn cứ vào Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về việc khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước;

Căn cứ vào Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội.

Chi cục Thuế khu vực Hoài Nhơn- Hoài Ân- An Lão thực hiện công khai thông tin tổng số: 241 doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh còn nợ phát sinh trước ngày 01/7/2020 tại phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Với tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là: 1.757.693.171 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn một trăm bảy mươi một đồng.) không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước để đề nghị xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội.

(Danh sách người nộp thuế đề nghị xóa nợ đính kèm)

Lý do đề nghị xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp: Người nộp thuế thuộc đối tượng được xóa nợ quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14

Thời gian công khai: 30 ngày (từ ngày 4/8/2020 đến ngày 2/9/2020)

Trường hợp người nộp thuế có tên trong danh sách đề nghị xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp nêu trên còn khả năng nộp ngân sách nhà nước, đề nghị tổ chức, cá nhân liên hệ với Đội thuế số 1 hoặc Chi cục Thuế khu vực Hoài Nhơn – Hoài Ân – An Lão theo địa chỉ số 14 đường 28/3 phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, điện thoại 02563.761.575 (Đội Kiểm tra thuế) hoặc gửi ý kiến bằng văn bản để cơ quan quản lý thuế biết.

Sau thời gian công khai nêu trên nếu cơ quan quản lý thuế không nhận được ý kiến phản hồi của tổ chức, cá nhân thì cơ quan quản lý thuế sẽ thực hiện thủ tục xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp của người nộp thuế theo quy định của pháp luật./. *Ký*

Nơi nhận:

- UBND phường Bồng Sơn;
- Đội Thuế số 1;
- Đội NVQLT;
- Lưu: VT, KTr (2b).



CHI CỤC TRƯỞNG

Phạm Minh Tuấn

CỤC THUẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC HOÀI NHON- HOÀI AN- AN LÃO
Đội Kiểm tra (Hoài Nhơn)

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ ĐỀ NGHỊ XÓA NỢ TIỀN PHÁT CHẠM NỘP, TIỀN CHẠM NỘP
(Người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký thuế)

(Ban hành theo Thông báo số 2733 /TB-CC1 ngày 04 Tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thuế khu vực Hoài Nhơn- Hoài An- An Lão)

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Họ và tên người đại diện	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được đề nghị xóa nợ	Tiểu mục								
									4272	4917	4918	4922	4927	4931	4943	4944	4949
Phường Bồng Sơn																	
1	Văn Phòng Đại Diện Công Ty TNHH TM & DV Núi	0105755664-001	Số 130, Biên Cương,	Lương Thái Ngọc	215249002			1.475.172.315	207.542.499	13.638.868	22.370.454	11.366.620	911.295.964	161.483.242	131.471.668	16.000.000	4949
2	Hợp Tác Xã Hiệp Thành	4100268713	KP Liêm Bình	Kiều Bích Thảo	210583913			3.636.600						394.000	1.242.600	2.000.000	
3	Doanh Nghiệp Tư Nhân Vạn Thành	4100439292	KP Liêm Bình,	Trần Văn Dũng	210606350			4.577.822				863.893	2.535.957		1.177.972		
4	Doanh Nghiệp TN Thương Mại Và Dịch Vụ Xuân Kỳ	4100540278	KP Liêm Bình,	Cao Văn Bình	211446967			56		56							
5	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Thủy Bình	4100551079	Số 236 Quang Trung,	Ta Ngọc Trí	211786363			63.233.678	31.209.713		1			32.023.964			
6	DNTN Hân Huy	4100615558	Số 159 Quang Trung,	Nguyễn Văn Phụng	211604759			84.702.862	1.807.774					2.073.070	746.400		
7	Công ty TNHH Khoáng sản Vĩnh Long	4100618502	KP Liêm Bình,	Nguyễn Văn Vinh	211404193	29/03/2014	CA BD	50.017.098									
8	Công ty TNHH Quang Thái	4100627144	Số 246 Trần Hưng Đạo,	Nguyễn Văn Vinh	211100523			143.284.540	9.470.700					80.075.618	2.073.070	746.400	
9	Công ty TNHH Sản Xuất - TMI Và Dịch Vụ Thanh Bình	4100627634	Số 259 Quang Trung,	Trần Quang Thái	211507246			89.027.740		9.894.251				48.395.798		621.300	1.000.000
10	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn C.Q.S	4100629423	Số 37 Tầng Bạt Hổ,	Nguyễn Thanh Bình	210586008			3.807						7.463.812		102.951.354	
11	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Vương	4100634712	Số 1, Bạch Đằng, KP 4,	Huỳnh Thi Sơn	210586008			185.204.045	135.448.954					37.034.471	29.385.718	1.242.600	2.000.000
12	Doanh Nghiệp Tư Nhân Tường Minh	4100638227	Cm CN Bồng Sơn,	Trần Quốc Oai	271210287			19.127.244	3.197.250					11.296.461	3.010.516	623.017	1.000.000
13	DNTN Thương Mại Lam Sơn	4100655617	Số 62 Quang Trung,	Nguyễn An Thông	211735521			43.219		7.598					35.621		
14	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Tiến Hòa	4100661988	Số 68 Quang Trung,	Phan Lam Sơn	211446919			1.621.300								621.300	1.000.000
15	Công ty TNHH Thủy Trình	4100669112	Tổ 10, KP 1,	Hồ Vĩnh Tiến	211273973			167.976.942	367.674	3.358.470				95.825.989	68.424.809		
16	DNTN Thương Mại Cường Lam	4100700002	Số 144, Quang Trung,	Lưu Công Thịnh	211100309			10.976.152	8.589	21.634				9.312.517	47.612	1.585.800	
17	Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Tấn Anh	4100747804	Lô 13 Chợ Bồng Sơn,	Huỳnh Thị Lum	211398938			15.519.803	13.898.503							621.300	1.000.000
18	Công ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp Kim Khánh	4100842737	Số 11 Biên Cương,	Đinh Tấn Anh	211110545			1.020.288							1.020.288		
19	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Và Dịch Vụ Long Thành	4100967888	Số 222 Quang Trung,	Nguyễn Kim Khánh	210941182			331.357							331.357		
20	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THANH ĐẠT	4101115798	Số 40 Trần Hưng Đạo,	Nguyễn Hồng Cường	210663264			4.071.528							2.627.728	943.800	500.000
21	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ A - Hoàng Yến	4101135071	KP Thiết Đình Nam,	Trương Văn Chinh	211865481			8.433.017						8.433.017			
22	Công ty TNHH Nước Tinh Khết Hiền Hòa	4101136607	Số 61-43-65 Hai Bà Trưng,	Đặng Thị Yến Ly	211726789			8.422.270									4.000.000
23	Công ty Cổ Phần Dân Tư Vin Com	4101138322	Số 124 Quang Trung,	Phan Công Hòa	211824805			746.037	1.862	3.937				397.713		342.525	
24	Công ty TNHH Một Thành Viên Tường Minh	4101139132	Lô Số 01 Cụm CN,	Kiều Thị Ngọc Mai	181840216			1.242.600								1.242.600	
25	Công ty TNHH Sản Xuất Và TM Tổng Hợp Thành Tín	4101219035	Số 95 Trần Phú,	Trương Hạnh Đoàn	211748208			88.145						88.145			
26	Công ty TNHH Công Nghệ Thông Tin An Phú	4101246141	Số 90, Hai Bà Trưng,	Nguyễn Thanh Huy	211746485			746.400							746.400		
27	Công ty TNHH Thương Mại Khánh Lợi	4101262048	KP Liêm Bình,	Nguyễn Ngọc Hiền	211889770			1.082.885						12.285		1.070.600	
28	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dịch Vụ Lộc Hưng	4101384913	KP Phú Đức,	Trần Văn Khánh	211761582			89.540.403	2.511.040					78.261.439	8.397.724	370.200	
29	Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi	4101405634	Số 177, Trần Hưng Đạo,	Hồ Văn Du	211651318			445.915.911						435.403.985	10.511.926		
30	CÔNG TY CỔ PHẦN AN PHÚ BÌNH ĐỊNH	4101409967	Biển Cương (núi đất),	Dương Nguyễn Hoàng Hưng	211532118			6.997.295						1.379.551	897.344	2.720.400	2.000.000
31	Công ty TNHH Minh Thông	4101436583	Số 11 Nguyễn Trãi,	Lư Thị Mỹ Phương	211585006			8.640.700	6.117.250	93.450						2.430.000	
32	Công ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại An Đông	4101453229	Số 54 Trần Phú,	Lê Văn Thông	211389431			1.513.300								513.300	1.000.000
33	CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CHÍNH VPF	4101462921	Số 150 Đào Duy Từ,	Hoàng Trương Tàu	215061635			24.166.718	2.149.350					20.700.368		1.317.000	
34	Công ty TNHH R I C H G O	4101465249	Số 264 Quang Trung,	Nguyễn Thái Bảo	215178042			611.183		5.744				514.239		91.200	
35	Công ty TNHH TM - Dịch Vụ Công Nghệ Cơ Điện Lê Hoàng	4101468497	KP Thiết Đình Nam,	Đinh Văn Nam	215046347			2.627.840	1.351.490							1.276.350	
36	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI GOTA	4101475776	Số 290 Trần Hưng Đạo,	Lê Thái Hoàng	211773312			2.983.250						993.300		1.489.950	500.000
			KP Phú Đức,	Lê Tuấn Vinh	212558448			9.659.729						9.659.729			

[illegible]

LẬP BIỂU

ĐỘI KIỂM TRA THUẾ

Hoài Nhơn ngày 4 tháng 8 năm 2020
Lãnh đạo Chi cục Thuế

Lãnh đạo Chi cục Thuế

Nguyễn Tường Hùng

Phan Văn Thức

Hồ Văn Diệt



CỤC THUẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC HOÀI NHƠN- HOÀI AN- AN LÃO
Đội Kiểm tra thuế

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ ĐỀ NGHỊ XÓA NỢ TIỀN PHẠT CHẠM NỘP, TIỀN CHẠM NỘP
(Đã áp dụng hết các biện pháp cưỡng chế)

(Ban hành theo Thông báo số 276/TB-CCT ngày 4 Tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thuế khu vực Hoài Nhơn- Hoài Ân- An Lão)

TT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được đề nghị xóa nợ	Tiểu mục								
									4272	4917	4918	4922	4927	4931	4943	4944	4949
	Phường Bồng Sơn							4.217.612.494	155.109.918	38.644.860	239.313.398			2.221.078.147	1.551.293.121	5.173.050	7.000.000
1	DNTN Sản Xuất Thương Mại Thành Ân	4100564399	Số 268 Trần Hưng Đạo	Nguyễn Thị Phương	211389933			425.984.848	3.963.910		22.634.593			234.625.691	160.004.754	1.755.900	3.000.000
2	Công ty TNHH Tuấn Tuyết	4100621061	Số 177- Trần Hưng Đạo	Trương Quang Tuấn	211266417			1.612.489.325	151.146.008		32.073.097			1.022.089.658	404.627.312	1.553.250	1.000.000
3	Công Ty TNHH TM Trang Hiệp Thành	4100622805	Số 229 Trần Hưng Đạo	Ngô Trần Vui	211529283			2.073.615.072		38.644.860	179.987.948			889.676.509	965.305.755		
4	Công Ty TNHH TM Và DV Nguyễn Thanh	4101023191	QL 1A, KP Liêm Bình	Nguyễn Thanh Hùng	211621584			105.523.249			4.617.760			74.686.289	21.355.300	1.863.900	3.000.000

LẬP BIỂU

Nguyễn Tường Hùng

Nguyễn Tường Hùng

ĐỘI KIỂM TRA THUẾ

Phan Văn Thúc

Phan Văn Thúc



Hồ Văn Diệt

CỤC THUẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC HOÀI NHƠN - HOÀI AN - AN LÃO
ĐỘI QUẢN LÝ THUẾ, LIÊN XÃ, PHƯỜNG SỐ 1

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ XÓA NỢ TIỀN PHẠT CHẠM NỘP, TIỀN CHẠM NỘP

(Ban hành kèm theo công văn số ngày 4 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thuế khu vực Hoài Nhơn- Hoài An - An Lão)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Họ và tên (a)	Số giấy tờ cá nhân (b)	Ngày cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được đề nghị xóa nợ	TIỀN CHẠM NỘP ĐỀ NGHỊ XÓA NỢ									
									4272	4917	4911	4918	4927	4931	4934	4943	4944	4949
TỔNG CỘNG																		
1	Hồ Đắc Hiền	3501971287	P Bồng Sơn	Hồ Đắc Hiền	211889454	17/02/2008	CA BD	17.415	282.520.856	714.059	47.211.395							
2	Nguyễn Thị Tấu	4100107466	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Tấu	210609137	01/01/1980	CA BD	1.851.411			559.909					161.400		
3	Phạm Thị Ngọc Hiền	4100107522	P Bồng Sơn	Phạm Thị Ngọc Hiền	211682643	01/01/1980	CA BD	1.923.036			657.064				10.230	97.305		
4	Võ Thị Sáu	4100108036	P Bồng Sơn	Võ Thị Sáu	211271568	01/01/1980	CA BD	2.747.873			890.634				1.686.089	171.150		
5	Tôn Nữ Kim Nhung	4100108212	P Bồng Sơn	Tôn Nữ Kim Nhung	210577568	01/01/1980	CA BD	490.742			166.178				270.744	53.820		
6	Lâm Thị Ngọc Phương	4100109047	P Bồng Sơn	Lâm Thị Ngọc Phương	211989922	01/01/1980	CA BD	525.540			91.080				278.317	92.978	63.165	
7	Trần Thị Thu Thủy	4100459718	P Bồng Sơn	Trần Thị Thu Thủy				3.929.452			1.210.064				2.352.488	366.900		
8	Trần Thị Tuyết Mai	4100499799	P Bồng Sơn	Trần Thị Tuyết Mai	211446900	06/10/1989	CA BD	2.158.822			1.034.184				1.093.738	30.900		
9	Hồ Thị Phương	4100612395	P Bồng Sơn	Hồ Thị Phương				1.721.385			487.461				998.214	235.710		
10	Tăng Thị Hương	4100615406	P Bồng Sơn	Tăng Thị Hương	210291141	14/03/1997	CA BD	409.231			125.851				251.692	31.388	399	
11	Trần Thị Tuyết Phương	4100716806	P Bồng Sơn	Trần Thị Tuyết Phương	211824731	24/10/2000	CA BD	141.087			44.712				48.675	47.700		
12	Cao Bích Kiều	4100744673	P Bồng Sơn	Cao Bích Kiều	211748067	01/01/1980	CA BD	64.244			30.348				2.396	31.500		
13	Nguyễn Thị Gái	4100819199	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Gái	211844333	31/07/2001	CA BD	36.248			6.201				11.747	18.300		
14	Nguyễn Thị Nữ	4100819960	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Nữ				1.345.917			484.284				825.783	35.850		
15	Lê Thị Mơ	4101022896	P Bồng Sơn	Lê Thị Mơ	215046394	07/10/2004	CA BD	360.937			116.710				181.227	63.000		
16	Nguyễn Thị Kiều	4101022984	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Kiều				2.327.722			755.156				1.428.116	144.450		
17	Trần Thị Kim Cúc	4101118100	P Bồng Sơn	Trần Thị Kim Cúc	215179619	01/01/2000	CA BD	239.932			80.011				159.921			
18	Nguyễn Thị Bích	4101244419	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Bích				155.600								51.330	100.000	
19	Nguyễn Thị Yến	4101399042	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Yến	211083949	07/03/1997	CA BD	134.058			54.048				80.010			
20	Võ Thị Chung	4101418094	P Bồng Sơn	Võ Thị Chung				566.899			198.684				353.455	14.760		
21	Dương Thị Hồng	4101419235	P Bồng Sơn	Dương Thị Hồng	215125297	27/10/2009	CA BD	995.712			308.147				584.545	103.020		
22	Nguyễn Thị Bích	8265763033	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Bích	210583726	11/12/2012	CA BD	275.435			85.161				176.268	14.006		
23	Trần Thị Oanh	8351507058	P Bồng Sơn	Trần Thị Oanh	215317637	09/01/2019	CA BD	150.048			34.506				69.012	46.530		
24	Nguyễn Kim Vương	3900930148	P Bồng Sơn	Nguyễn Kim Vương				336.636			112.212				224.424			
25	Trần Đức Trung	4000556933	P Bồng Sơn	Trần Đức Trung	211628998	23/02/2012	CA BD	6.775.470			1.708.554				3.392.023	93.120		
26	Phan Thanh Thắng	4000557006	P Bồng Sơn	Phan Thanh Thắng	211571607	03/03/2012	CA BD	2.836.752			953.412				1.581.773	17.100		
27	Nguyễn Liễu	4100100478	P Bồng Sơn	Nguyễn Liễu				2.551.536			253.484				1.279.362	397.390	621.300	

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Họ và tên (a)	Số giấy tờ cá nhân (b)	Ngày cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được đề nghị xóa nợ	TIỀN CHẠM NỘP ĐỀ NGHỊ XÓA NỢ										
									4272	4917	4911	4918	4927	4931	4934	4943	4944	4949	
28	Nguyễn Đình Thám	4100101640	P Bông Sơn	Nguyễn Đình Thám	210594337	01/01/1980	CA BD	502.492	167.489					334.924			79		
29	Nguyễn Thị Ngọc Sang	4100101785	P Bông Sơn	Nguyễn Thị Ngọc Sang	210577310	01/01/1980	CA BD	907.246						79.412		27.984	299.850	500.000	
30	Mai Thị Thọ	4100102820	P Bông Sơn	Mai Thị Thọ	210577761	07/03/1997	CA BD	1.907.741	581.013					1.161.837		164.891			
31	Nguyễn Tư Nhiên	4100103768	P Bông Sơn	Nguyễn Tư Nhiên	210583020	01/01/1980	CA BD	485.045	158.790					317.580		8.675			
32	Trần Thị Bích Hương	4100105187	P Bông Sơn	Trần Thị Bích Hương	211271342	01/12/2014	CA BD	1.641.227	331.017					975.716		101.844	232.650		
33	Vương Minh Nguyễn	4100106536	P Bông Sơn	Vương Minh Nguyễn	210583423	01/01/1980	CA BD	164.211									64.211	100.000	
34	Nguyễn Đăng Phấn	4100107219	P Bông Sơn	Nguyễn Đăng Phấn	210967465	01/01/1980	CA BD	423.072						375.131		47.941			
35	Dương Thị Nhi	4100107674	P Bông Sơn	Dương Thị Nhi	210583561	08/12/2007	CA BD	410.130	136.710					275.420					
36	Phan Thị Xuân Ngón	4100107755	P Bông Sơn	Phan Thị Xuân Ngón	210625875	01/01/1980	CA BD	163.630								1.500	62.130	100.000	
37	Lương Thị Hồng	4100108396	P Bông Sơn	Lương Thị Hồng	210608173	26/12/2009	CA BD	2.246.603	748.552					1.496.926			1.125		
38	Dương Thế Tài	4100108484	P Bông Sơn	Dương Thế Tài	211389894	01/01/1980	CA BD	36.877	3.780					1.512		22.335	9.250		
39	Hàn Hiệp Thọ	4100108533	P Bông Sơn	Hàn Hiệp Thọ	210594041	01/01/1980	CA BD	596.394						83.540		26.464	186.390	300.000	
40	Võ Thị Đức	4100109512	P Bông Sơn	Võ Thị Đức				1.744.975						1.219.000		60.000	465.975		
41	Nguyễn Văn Hùng	4100110370	P Bông Sơn	Nguyễn Văn Hùng				31.374	5.694					15.180		10.500			
42	Lý Hoài Phương	4100333183	P Bông Sơn	Lý Hoài Phương	210606559	01/01/1980	CA BD	103.310	10.253					32.494		14.000	46.563		
43	Trần Thị Kim ánh	4100382254	P Bông Sơn	Trần Thị Kim ánh	211507195	22/03/2008	CA BD	9.324.075	2.712.510					5.548.311		549.954	513.300		
44	Nguyễn Thị Hồng Nhân	4100391957	P Bông Sơn	Nguyễn Thị Hồng Nhân	211495958	01/01/1980	CA BD	4.100.437	1.149.202					2.689.163		217.072	45.000		
45	Nguyễn Văn Diệt	4100405800	P Bông Sơn	Nguyễn Văn Diệt	210605845	01/01/1980	CA BD	89.565	5.955					11.649			71.961		
46	Lê Văn Hải	4100419930	P Bông Sơn	Lê Văn Hải	210608160	06/03/1997	CA BD	481.742	236.152					245.590					
47	Trần Thị Xi	4100431303	P Bông Sơn	Trần Thị Xi	210608212	08/03/1997	CA BD	256.555	63.342					126.684		11.029	55.500		
48	Nguyễn Thị Xuân Cam	4100459669	P Bông Sơn	Nguyễn Thị Xuân Cam				5.838.061	801.508					3.851.250		307.353	877.950		
49	Bùi Thanh Bình	4100485891	P Bông Sơn	Bùi Thanh Bình	211124177	01/01/2012	CA BD	547.964							547.964				
50	Hồ Thị Liên	4100501092	P Bông Sơn	Hồ Thị Liên	211446924	06/10/1989	CA BD	6.286.076						5.437.058		227.718	621.300		
51	Huỳnh Thanh Chi	4100501335	P Bông Sơn	Huỳnh Thanh Chi	211446027	01/01/1980	CA BD	10.803.650	890.726					8.076.935		904.039	931.950		
52	Phạm Thị Mai	4100502441	P Bông Sơn	Phạm Thị Mai	210029636	10/01/2015	CA BD	3.352.323	292.740					2.204.583			555.000	300.000	
53	Võ Thị Thái	4100514045	P Bông Sơn	Võ Thị Thái	210608472	14/06/1994	CA BD	1.331.600						1.084.166		247.434			
54	Lê Thị ước	4100518561	P Bông Sơn	Lê Thị ước	211855601	28/09/2001	CA BD	486.390									186.390	300.000	
55	Nguyễn Thị Thu	4100527936	P Bông Sơn	Nguyễn Thị Thu	210583439	11/03/1997	CA BD	2.372.996	803.216					1.285.280			284.500		
56	Nguyễn Thị Vân	4100528150	P Bông Sơn	Nguyễn Thị Vân				332.030								7.770	124.260	200.000	
57	Trần Thị Anh Đào	4100544177	P Bông Sơn	Trần Thị Anh Đào				654.141						167.751			186.390	300.000	
58	Huỳnh Văn Rãi	4100550798	P Bông Sơn	Huỳnh Văn Rãi	211480290	09/09/2003	CA BD	6.151.129	2.199.692					3.298.337			653.100		
59	Trần Dự	4100551054	P Bông Sơn	Trần Dự	211668505	22/03/1997	CA BD	33.197					22.723			4.734	5.740		
60	Trần Thị Phương Thảo	4100567350	P Bông Sơn	Trần Thị Phương Thảo	211100564	08/09/1990	CA BD	4.809.211						3.077.670		1.265.566	465.975		
61	Nguyễn Thị Hoài Thanh	4100577951	P Bông Sơn	Nguyễn Thị Hoài Thanh	211011788	15/03/1997	CA BD	66.980								35.550	31.350		
62	Trần Thị Mỹ Chi	4100579839	P Bông Sơn	Trần Thị Mỹ Chi				4.554.560						1.660.740		494.270	899.550	1.500.000	

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Họ và tên (a)	Số giấy tờ cá nhân (b)	Ngày tháng năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được đề nghị xóa nợ	TIỀN CHẠM NỘP ĐỀ NGHỊ XÓA NỢ										
									4272	4917	4911	4918	4927	4931	4934	4943	4944	4949	
63	Phan Thị Ngọc Bích	4100579902	P Bồng Sơn	Phan Thị Ngọc Bích	210583741	06/06/1997	CA BD	1.806.769	512.451					1.024.976			12.692	256.650	
64	Cao Thị Mỹ Quang	4100579927	P Bồng Sơn	Cao Thị Mỹ Quang	210594983		CA BD	928.540								754.929	173.611		
65	Võ Thị Phú	4100590889	P Bồng Sơn	Võ Thị Phú	214404382		CA BD	486.390										186.390	300.000
66	Nguyễn Thị Thanh Thủy	4100590896	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Thanh Thủy				499.430									13.040	186.390	300.000
67	Nguyễn Thị Trinh	4100598609	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Trinh	211551992	01/01/2001	CA BD	958.375	158.765					313.220			39.700	186.390	300.000
68	Nguyễn Cao Trí	4100598623	P Bồng Sơn	Nguyễn Cao Trí	211855737	26/11/2001	CA BD	350.350						1.565.676				310.650	
69	Dương Châu Âu	4100598630	P Bồng Sơn	Dương Châu Âu	211605291	03/04/1995	CA BD	2.186.976						228.062				621.300	
70	Lê Văn Căn	4100608906	P Bồng Sơn	Lê Văn Căn	215232955	13/10/2012	CA BD	327.091	85.215								5.770	62.130	100.000
71	Huỳnh Thị Loan	4100609064	P Bồng Sơn	Huỳnh Thị Loan				167.900										186.390	300.000
72	Tương Phước Vinh	4100612405	P Bồng Sơn	Tương Phước Vinh	211705775		CA BD	826.594						340.204				186.390	300.000
73	Nguyễn Văn Trung	4100615540	P Bồng Sơn	Nguyễn Văn Trung	211773137	14/06/1999	CA BD	627.325						369.411			95.421	62.493	100.000
74	Phạm Thị Hồng Nhan	4100617379	P Bồng Sơn	Phạm Thị Hồng Nhan				58.659	13.103					33.716				11.840	
75	Nguyễn Thị Oanh	4100617971	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Oanh	215169328	11/10/2007	CA BD	906.156	282.384					577.872			45.900		
76	Bùi Tài	4100618414	P Bồng Sơn	Bùi Tài	210606176	01/01/1980	CA BD	808.751	241.593					483.084			84.074		
77	Mai Minh Nguyễn	4100621872-001	P Bồng Sơn	Mai Minh Nguyễn				37.631	2.430					30.713			4.488		
78	Nguyễn Thị Diệp	4100623566	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Diệp				709.059						554.823			154.236		
79	Huỳnh Thị Sen	4100630235	P Bồng Sơn	Huỳnh Thị Sen				133.034	133.034										
80	Phạm Ngọc Đức	4100642167	P Bồng Sơn	Phạm Ngọc Đức	210608575	08/10/2004	CA BD	1.612.539	543.048					1.061.162			8.329		
81	Lê Thị Nữ	4100643202	P Bồng Sơn	Lê Thị Nữ				215.582	20.581					43.671			51.330	100.000	
82	Đinh Thị Mỹ Lệ	4100652729	P Bồng Sơn	Đinh Thị Mỹ Lệ				572.175	190.260					380.520			1.395		
83	Tạ Công Loan	4100658079	P Bồng Sơn	Tạ Công Loan	211110009	01/01/1980	CA BD	1.168.313	339.906					693.232			19.475	115.700	
84	Lê Thị Mỹ Nhiếp	4100658086	P Bồng Sơn	Lê Thị Mỹ Nhiếp				35.790						35.790					
85	Nguyễn Đức Duy	4100661032	P Bồng Sơn	Nguyễn Đức Duy				207.273						36.026			9.117	62.130	100.000
86	Nguyễn Thị Ngọc Thọ	4100661177	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Ngọc Thọ				83.950									2.885	31.065	50.000
87	Dương Quang Trung	4100663671	P Bồng Sơn	Dương Quang Trung	211415555	14/09/1989	CA BD	1.236.606	925.956									310.650	
88	Đoàn Xuân Thắng	4100670333	P Bồng Sơn	Đoàn Xuân Thắng	210305735	11/03/1997	CA BD	117.967						36.902				31.065	50.000
89	Huỳnh Thị Lộc	4100691887	P Bồng Sơn	Huỳnh Thị Lộc	211824853	01/08/2015	CA BD	897.480						767.708			129.772		
90	Trần Thị Ngọc ánh	4100692087	P Bồng Sơn	Trần Thị Ngọc ánh				75.611						73.811			1.800		
91	Huỳnh Thị Nhiếp	4100692094	P Bồng Sơn	Huỳnh Thị Nhiếp				576.115						492.032			84.083		
92	Trần Ngọc Thịnh	4100692143	P Bồng Sơn	Trần Ngọc Thịnh	211682114		CA BD	258.788	75.018					150.036			24.359	9.375	
93	Nguyễn Thanh Tung	4100692150	P Bồng Sơn	Nguyễn Thanh Tung	211824618		CA BD	1.662.884						1.041.584				621.300	
94	Nguyễn Thị Thu Hằng	4100692168	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Thu Hằng	211185568	10/01/2009	CA BD	1.765.782	442.057					332.006			370.419	621.300	
95	Trương Đình Quyết	4100705402	P Bồng Sơn	Trương Đình Quyết	211651212	11/09/2010	CA BD	116.444	116.444										
96	Nguyễn Võ Trung	4100714164-001	P Bồng Sơn	Nguyễn Võ Trung				57.978									57.978		
97	Nguyễn Việt Cường	4100714301	P Bồng Sơn	Nguyễn Việt Cường	191488136	19/03/1998		180.734						147.624			33.110		

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Họ và tên (a)	Số giấy tờ cá nhân (b)	Ngày tháng năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được đề nghị xóa nợ	TIỀN CHẠM NỘP ĐỀ NGHỊ XÓA NỢ										
									4272	4917	4911	4918	4927	4931	4934	4943	4944	4949	
98	Nguyễn Thị Minh Thu	4100727773	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Minh Thu	210583286	13/03/1997	CA BĐ	2.012.731						1.437.931			574.800		4949
99	Nguyễn Phúc Nguyễn	4100727886	P Bồng Sơn	Nguyễn Phúc Nguyễn	211649794	05/07/2005	CA BĐ	7.972.869	948.255					5.318.766		517.248	1.188.600		
100	Trương Văn Vinh	4100727903	P Bồng Sơn	Trương Văn Vinh	211507094		CA BĐ	871.692						410.058		150.984	310.650		
101	Nguyễn Đức Chánh	4100733992	P Bồng Sơn	Nguyễn Đức Chánh	210594478	16/03/1997	CA BĐ	75.000									75.000		
102	Trần Thị Tú Anh	4100734153	P Bồng Sơn	Trần Thị Tú Anh	363512891	26/07/2004		1.361.277						703.083		171.804	186.390	300.000	
103	Võ Thị Mân	4100739377	P Bồng Sơn	Võ Thị Mân	211083968	10/03/1997	CA BĐ	310.895						277.980		32.915			
104	Thái Kế Cường	4100739592	P Bồng Sơn	Thái Kế Cường	211480820	11/07/2009	CA BĐ	11.592.457	88.339					8.611.191		2.271.627	621.300		
105	Bùi Thế Thành	4100743221	P Bồng Sơn	Bùi Thế Thành	211587461	25/03/1995	CA BĐ	58.577	58.577										
106	Võ Thị Xuân Lộc	4100744578	P Bồng Sơn	Võ Thị Xuân Lộc	210582788		CA BĐ	9.745.372	1.517.542					4.423.551		1.427.079	2.377.200		
107	Nguyễn Thị Strong	4100744666	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Strong	211100356	01/01/1980	CA BĐ	2.278.423	448.860					1.326.921		16.252	186.390	300.000	
108	Nguyễn Thị Tư	4100747748	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Tư	210662939	01/01/1980	CA BĐ	5.134.492	1.477.503					2.955.120		80.569	621.300		
109	Huỳnh Thị Thưng	4100747988	P Bồng Sơn	Huỳnh Thị Thưng	210583855		CA BĐ	168.200								6.070	62.130	100.000	
110	Hoàng Thị Kim Duyên	4100762506	P Bồng Sơn	Hoàng Thị Kim Duyên				378.291	99.651					199.260			79.380		
111	Phạm Thế Phong	4100816737	P Bồng Sơn	Phạm Thế Phong				2.959.596						1.342.008		334.158	683.430	600.000	
112	Nguyễn Vy Lê	4100832601	P Bồng Sơn	Nguyễn Vy Lê	211824778	25/10/2000	CA BĐ	3.034.577	1.142.121					1.852.378		14.578	25.500		
113	Nguyễn Sáu	4100832619	P Bồng Sơn	Nguyễn Sáu	210577886	27/06/2002	CA BĐ	756.648						492.444		102.074	62.130	100.000	
114	Thái Thị Thanh Sang	4100854549	P Bồng Sơn	Thái Thị Thanh Sang	211651666	05/09/1995	CA BĐ	335.800								11.540	124.260	200.000	
115	Trần Xuân Chi	4100888298	P Bồng Sơn	Trần Xuân Chi	211554085	26/06/2008	CA BĐ	2.358.582						2.281.470		77.112			
116	Võ Hữu Lợi	4100893114	P Bồng Sơn	Võ Hữu Lợi	211100991	16/03/1997	CA BĐ	310.650									310.650		
117	Tạ Thị Nga	4100897567	P Bồng Sơn	Tạ Thị Nga	211480379	21/03/1997	CA BĐ	1.805.928	601.958					1.203.970					
118	Trần Văn Thanh	4100899028	P Bồng Sơn	Trần Văn Thanh	211398961	26/03/1997	CA BĐ	493.005								38.960	154.045	300.000	
119	Võ Đình Phúc	4100899099	P Bồng Sơn	Võ Đình Phúc	210577727	01/01/1980	CA BĐ	523.102	148.262					303.392		2.538	68.910		
120	Cao Thị Lợi	4100899268	P Bồng Sơn	Cao Thị Lợi				102.750						93.195		9.555			
121	Lê Thị Hoành	4100899317	P Bồng Sơn	Lê Thị Hoành				3.464.444						3.153.794			310.650		
122	Nguyễn Thị Loan	4100921065	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Loan				2.339.151						1.409.231		443.530	186.390	300.000	
123	Hà Văn Huệ	4100930662	P Bồng Sơn	Hà Văn Huệ	151252751	14/02/1996		2.228.086	521.892					1.043.784		41.110	621.300		
124	Nguyễn Thị Thủy Nhiên	4100930704	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Thủy Nhiên				205.913						203.513		2.400			
125	Bùi Thị Việt	4100930729	P Bồng Sơn	Bùi Thị Việt				64.113						62.613		1.500			
126	Phan Thị Mỹ Liên	4100930817	P Bồng Sơn	Phan Thị Mỹ Liên	211788342	12/07/1999	CA BĐ	62.613						62.613					
127	Bùi Tấn Đạt	4100949423	P Bồng Sơn	Bùi Tấn Đạt	215046491	10/12/1987	CA BĐ	3.722.624						2.521.924		734.725	465.975		
128	Võ Thị Lành	4100949656	P Bồng Sơn	Võ Thị Lành	211889190	27/05/2002	CA BĐ	207.328						187.880		19.448			
129	Phạm Thị Hiền	4100965464	P Bồng Sơn	Phạm Thị Hiền	211825447	06/12/2000	CA BĐ	186.306						24.176			62.130	100.000	
130	Nguyễn Thị Khánh Như	4100979001	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Khánh Như	230573490	06/08/1998		1.054.218						523.341		44.487	186.390	300.000	
131	Trần Văn Cự	4101032580	P Bồng Sơn	Trần Văn Cự	211389157	23/05/2008	CA BĐ	1.909.440						48.087			621.300		
132	Nguyễn Văn Mai	4101068643	P Bồng Sơn	Nguyễn Văn Mai	211398907	22/05/1998	CA BĐ	564.113						473.678		90.435			

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Họ và tên (a)	Số giấy tờ cá nhân (b)	Ngày tháng năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được đề nghị xóa nợ	TIỀN CHẠM NỘP ĐỀ NGHỊ XÓA NỢ										
									4272	4917	4911	4918	4927	4931	4934	4943	4944	4949	
133	Nguyễn Chí Thanh	4101073971	P Bồng Sơn	Nguyễn Chí Thanh	211404321	12/03/2002	CA BD	13.875.924		2.134.368				10.671.630		448.626		621.300	
134	Lê Anh Tuấn	4101120389	P Bồng Sơn	Lê Anh Tuấn	211772437	24/04/2015	CA BD	623.121		198.673				397.287				27.161	
135	Võ Thị Thanh Thư	4101142142	P Bồng Sơn	Võ Thị Thanh Thư	215125346	02/02/1988	CA BD	86.357						78.013		8.344			
136	Phan Thị Bích Phong	4101149412	P Bồng Sơn	Phan Thị Bích Phong				490.890								4.500	186.390	300.000	
137	Nguyễn Hồng Cường	4101149469	P Bồng Sơn	Nguyễn Hồng Cường	211860672	27/06/2001	CA BD	375.561						308.912		42.564			
138	Nguyễn Thị Số	4101155504	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Số	211640210	19/02/2011	CA BD	1.362.603		453.462				906.936			2.205		
139	Võ Thị Bích Trang	4101178445	P Bồng Sơn	Võ Thị Bích Trang				166.430								4.300	62.130	100.000	
140	Phan Thị Vạn	4101199283	P Bồng Sơn	Phan Thị Vạn	211273677		CA BD	382.002						219.872			62.130	100.000	
141	Nguyễn Công Thơm	4101244264	P Bồng Sơn	Nguyễn Công Thơm	211083925	12/03/1997	CA BD	5.910.279							5.359.369	64.520	186.390	300.000	
142	Nguyễn Duy Minh	4101244271	P Bồng Sơn	Nguyễn Duy Minh	BĐI			2.178.266		397.680				1.203.217		239.219	338.150		
143	Nguyễn Thị Phước	4101244345	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Phước	210577641	04/03/1997	CA BD	331.530								7.270	124.260	200.000	
144	Võ Hồng Đức	4101264292	P Bồng Sơn	Võ Hồng Đức				704.341		219.304				438.507			46.530		
145	Nguyễn Tư Toàn	4101302371	P Bồng Sơn	Nguyễn Tư Toàn	211806881	01/01/2000	CA BD	846.088		309.186				482.002			54.900		
146	Bùi Thị Bưởi	4101326502	P Bồng Sơn	Bùi Thị Bưởi	211400771	25/05/1998	CA BD	1.571.148		497.256				994.512			79.380		
147	Huỳnh Phi Hiệp	4101340923	P Bồng Sơn	Huỳnh Phi Hiệp	215386614	04/06/2011	CA BD	178.299		15.930				115.906		25.963	20.500		
148	Đặng Thị Kim Thu	4101362010	P Bồng Sơn	Đặng Thị Kim Thu	211398759	23/09/2005	CA BD	1.962.164		429.313				1.023.140		43.736	465.975		
149	Châu Thị Thừa	4101371840	P Bồng Sơn	Châu Thị Thừa				5.691.499		1.014.888				3.412.764		129.247	1.134.600		
150	Cao Vi Hùng	4101391251	P Bồng Sơn	Cao Vi Hùng	211587486	28/08/2010	CA BD	7.441		2.633				4.808		1.500	62.130	100.000	
151	Lê Thị Loan	4101399028	P Bồng Sơn	Lê Thị Loan				163.630									310.650		
152	Nguyễn Thị Đức	4101407494	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Đức	211487834	25/02/2000	CA BD	2.159.067						1.848.417					
153	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	4101414928	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Ngọc Diệp				3.565.932						2.982.426		117.531	465.975		
154	Lê Công Đình	4101417943	P Bồng Sơn	Lê Công Đình	211480350	31/01/2013	CA BD	1.613.490		512.340				1.024.650		6.000	70.500		
155	Nguyễn Thị Diễm	4101418023	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Diễm	BĐI			1.051.970		388.489				663.481					
156	Nguyễn Hoàng Thao	4101418062	P Bồng Sơn	Nguyễn Hoàng Thao				2.386.780		404.001				1.496.389					300.000
157	Nguyễn Văn Mẫn	4101425609	P Bồng Sơn	Nguyễn Văn Mẫn				345.000		78.315				219.756		21.879	25.050		
158	Nguyễn Văn Nhung	4101425623	P Bồng Sơn	Nguyễn Văn Nhung	211151667	09/09/2003	CA BD	1.332.415		380.683				951.732					
159	Nguyễn Xuân Lộc	4101430503	P Bồng Sơn	Nguyễn Xuân Lộc	215061014	20/05/2014	CA BD	70.813								70.813			
160	Mai Văn Quốc	4101430510	P Bồng Sơn	Mai Văn Quốc	211551617	12/09/2008	CA BD	3.715.793		328.364				2.626.854		139.275	621.300		
161	Nguyễn Thị Nhung	4101437996	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Nhung				3.419.310		950.778				1.901.232			567.300		
162	Trần Sơn Vỹ	4101456822	P Bồng Sơn	Trần Sơn Vỹ	215125851	03/11/2005	CA BD	2.415.786		719.712				1.439.424			256.650		
163	Nguyễn Thị Trà Giang	4101462992	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Trà Giang	215178122	23/10/2012	CA BD	184.209		50.274				125.685			8.250		
164	Trần Trọng Hậu	4101478583	P Bồng Sơn	Trần Trọng Hậu	151898232	06/07/2010		470.289		156.732				313.467			90		
165	Nguyễn Tiến Định	4101485245	P Bồng Sơn	Nguyễn Tiến Định	212247328	28/11/2014	CA BD	2.509.032		759.852				1.519.410			229.770		
166	Phạm Minh Thuận	4101495772	P Bồng Sơn	Phạm Minh Thuận	215120631	31/12/2015	CA BD	1.086.648		293.263				733.170			60.210		
167	Lê Quốc Hùng	4101495797	P Bồng Sơn	Lê Quốc Hùng	211824652	26/06/2002	CA BD	504.984		148.262				296.512			60.210		

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Họ và tên (a)	Số giấy tờ cá nhân (b)	Ngày tháng năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được đề nghị xóa nợ	TIỀN CHẠM NỘP ĐỀ NGHỊ XÓA NỢ									
									4272	4917	4911	4918	4927	4931	4934	4943	4944	4949
168	Nguyễn Thị Hồng	4101503409	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Hồng	210583248	17/06/2013	CA ĐĐ	412.161	112.494					224.937			74.730	
169	Nguyễn Thị Nhớ	4101503511	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Nhớ	211555243	07/04/1992	CA ĐĐ	242.406	60.732					121.464			60.210	
170	Nguyễn Đình Thị Kim Phuong	4101503529	P Bồng Sơn	Nguyễn Đình Thị Kim Phuong	215563921	24/04/2017	CA ĐĐ	947.517	289.378					578.759			79.380	
171	Phạm Phước Tiến	4101516574	P Bồng Sơn	Phạm Phước Tiến				945.854	128.493	235.097				470.124			112.140	
172	Nguyễn Văn Mẫn	4101516711	P Bồng Sơn	Nguyễn Văn Mẫn				876.690	123.573	213.660				427.317			112.140	
173	Nguyễn Thị Hợp	4101516743	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Hợp				594.684	79.280	128.662				260.922			125.820	
174	Võ Hồng Trung	4101516824	P Bồng Sơn	Võ Hồng Trung				1.048.791	136.695	266.652				533.304			112.140	
175	Võ Thị Tài	4101516831	P Bồng Sơn	Võ Thị Tài				1.236.270	153.090	323.688				647.352			112.140	
176	Trương Văn Trúc	4101519649	P Bồng Sơn	Trương Văn Trúc				729.261	92.928	186.102				372.201			78.030	
177	Đặng Thành Việt	4101541122	P Bồng Sơn	Đặng Thành Việt	215311137	01/01/2010	CA ĐĐ	341.565	96.548					193.087			51.930	
178	Trần Phú Cường	8004717339	P Bồng Sơn	Trần Phú Cường	211596825	21/07/2010	CA ĐĐ	516.428	166.706					333.342			16.380	
179	Trần Anh Khoa	8024185844	P Bồng Sơn	Trần Anh Khoa	215126814	09/08/2008	CA ĐĐ	841.924	136.376					705.548				
180	Lê Văn Thông	8031957562	P Bồng Sơn	Lê Văn Thông	211389431	08/04/1999	CA ĐĐ	819.049	249.480					498.960		37.985	32.624	
181	Lê Thị Vương	8031957636	P Bồng Sơn	Lê Thị Vương	215040869	09/11/2003	CA ĐĐ	2.483.558						1.442.646		419.612	621.300	
182	Phạm Thị Hoa	8033094625	P Bồng Sơn	Phạm Thị Hoa	210013281	05/01/1998	CA ĐĐ	1.039.685						573.710			465.975	
183	Trương Quốc Nhà	8058890379	P Bồng Sơn	Trương Quốc Nhà	211682654	07/02/2006	CA ĐĐ	248.055	71.952					143.883			32.220	
184	Ngô Thị Thanh Tiên	8074021697	P Bồng Sơn	Ngô Thị Thanh Tiên	215180262	10/05/2018	CA ĐĐ	106.089	21.687					43.377			41.025	
185	Nguyễn Thị Kim Thành	8109943416	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Kim Thành	211885678	12/06/2003	CA ĐĐ	500.743	139.569					348.924			12.250	
186	Trần Nhật Tinh	8116943343	P Bồng Sơn	Trần Nhật Tinh	211889693	28/06/2002	CA ĐĐ	365.727	108.740					256.987				
187	Đinh Văn Huân	8223825915	P Bồng Sơn	Đinh Văn Huân	141237743	02/12/2013		238.167	62.106					124.221			51.840	
188	Lê Quốc Hương	8271272361	P Bồng Sơn	Lê Quốc Hương	210582921	06/07/2013	CA ĐĐ	791.758	226.530					453.060			112.168	
189	Võ Ngọc Mỹ	8277236049	P Bồng Sơn	Võ Ngọc Mỹ	211507140	13/04/2013	CA ĐĐ	442.644							436.801		5.843	
190	Nguyễn Văn Cảnh	8277242483	P Bồng Sơn	Nguyễn Văn Cảnh	211404248	10/10/2013	CA ĐĐ	255.752	77.386					160.006			18.360	
191	Nguyễn Thanh Nhạc	8306440531	P Bồng Sơn	Nguyễn Thanh Nhạc	215041120	27/04/2017	CA ĐĐ	246.255	60.195					125.850			60.210	
192	Mai Hoàng Nhật	8349752327	P Bồng Sơn	Mai Hoàng Nhật	215315762	14/08/2019	CA ĐĐ	33.486	11.058					22.113			315	
193	Lê Thị Năm	8393109997	P Bồng Sơn	Lê Thị Năm	210583484	13/06/2009	CA ĐĐ	552.332	151.737					294.945			105.650	
194	Dương Thị Hiền	8438395099	P Bồng Sơn	Dương Thị Hiền	211682228	13/09/2014	CA ĐĐ	201.780	51.747					103.503			46.530	
195	Nguyễn Thị Ánh	8530142558	P Bồng Sơn	Nguyễn Thị Ánh	215576243	16/10/2017	CA ĐĐ	106.761	31.944					63.882			10.935	

Người lập

Trần Lên

Lãnh đạo Phòng, đội

Trần Văn Hồ

Hội đồng ngày 8 tháng 8 năm 2020



Hoàng Văn Diệt